

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1993; Nơi cư trú: xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Tường G, sinh năm 1990; Địa chỉ nơi cư trú: xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2021, biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2021, chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày: Chị và anh Bùi Văn Tường G cưới nhau vào năm 2011, trước khi cưới có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và được một đứa con, nhưng đến khoảng tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh G thường xuyên đi với người ngoài, chị có nói nhiều lần nhưng anh G vẫn không sửa đổi, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và từ đó chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian không sống chung, chị với anh G không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị không còn tình cảm với anh Tường G nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tường G. Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Như H, sinh ngày 07/8/2012, nay ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Như H. Khi khởi kiện chị có yêu cầu anh Tường G cấp dưỡng nuôi con nhưng nay chị không yêu cầu anh Tường G phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Tường G chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai ngày 07/7/2021, bị đơn anh Bùi Văn Tường G trình bày: Vào năm 2011, anh và chị Hồng D cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, trước khi cưới có tìm hiểu nhau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có một con chung. Đến khoảng tháng 5 năm 2020 thì mâu thuẫn và không còn sống chung từ đó cho đến nay. Nay chị Hồng D yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ, thương con. Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Như H, sinh ngày 07/8/2012, nay ly hôn anh đồng ý cho chị Hồng D tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh cấp dưỡng theo quy định. Về tài sản chung: Anh và chị Hồng D chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 07/7/2021, cháu Bùi Như H trình bày: Ba mẹ ly hôn nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D được ly hôn với anh Bùi Văn Tường G; về con chung: Giao cháu Bùi Như H cho chị Nguyễn Thị Hồng D tiếp tục nuôi dưỡng, anh Bùi Văn Tường G cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn Tường G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Bùi Văn Tường G là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng D đối với anh Bùi Văn Tường G, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Hồng D thì cuộc sống của chị và anh Tường G không hạnh phúc, thường xuyên cự cãi nhau và cũng chính anh Tường G cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn với nhau và cả hai đã không còn sống chung từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình không còn sống chung thì chị Hồng D và anh Tường G không có liên lạc hay gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị Hồng D đối với anh Tường G hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Hồng D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt*

được” và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Hồng D ly hôn với anh Tường G.

[4] Về việc nuôi con: Giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Bùi Văn Tường G đã thỏa thuận được với nhau: Chị Hồng D được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bùi Như H, sinh ngày 07/8/2012, Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng D không yêu cầu anh Bùi Văn Tường G cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên anh Tường G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy theo khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *“Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên”* và khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*, cho nên sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của anh Tường G là có căn cứ, nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Bùi Văn Tường G trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng D, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Bùi Văn Tường G.

2. Về việc nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Bùi Văn Tường G: Chị Nguyễn Thị Hồng D được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Bùi Như H, sinh ngày 07/8/2012.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Bùi Văn Tường G cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Như H, sinh ngày 07/8/2012 với mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng nửa tháng lương cơ sở tương ứng với thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2021 đến khi cháu Bùi Như H đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Chị Nguyễn Thị Hồng D chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003179 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4.2. Anh Bùi Văn Tường G chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã LT, huyện HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Lương Bằng